

Số: 31 /2023/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thăm, tặng quà và hỗ trợ một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 8445/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định
một số nội dung, mức chi thăm, tặng quà và hỗ trợ các đối tượng trên địa bàn
tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 202/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm
2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi thăm, tặng quà và hỗ trợ một số đối tượng trên
địa bàn tỉnh do Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng
nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được thăm, tặng quà, tặng thưởng
đột xuất và hỗ trợ.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện thăm,
tặng quà, tặng thưởng đột xuất bao gồm: Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ
Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các
cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy được Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Đối với tổ chức, cá nhân do Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thăm hỏi, tặng quà, tặng thưởng đột xuất:

a) Thăm hỏi, tặng quà các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, ngày kỷ niệm (trừ Tết Nguyên đán, ngày 27/7 hằng năm); nhân dịp tổ chức các sự kiện chính trị đặc biệt của tỉnh; bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn nghiêm trọng; đại biểu các đoàn, ban liên lạc của các tổ chức có công đóng góp lớn cho sự nghiệp chiến đấu, giải phóng dân tộc đến thăm và làm việc với Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Tối đa 10 triệu đồng/cơ quan, tổ chức và tối đa 05 triệu đồng/cá nhân.

b) Tặng thưởng đột xuất do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống tội phạm, bảo vệ chủ quyền an ninh, biên giới, hải đảo; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Tối đa 10 triệu đồng/cơ quan, tổ chức và tối đa 05 triệu đồng/cá nhân.

2. Đối với tổ chức, cá nhân do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thăm, tặng quà và hỗ trợ:

a) Thăm, tặng quà người có uy tín tiêu biểu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhân các dịp lễ hội truyền thống: Tối đa 500 ngàn đồng/cá nhân; thăm ốm đau: Tối đa 01 triệu đồng/cá nhân.

b) Thăm, tặng quà cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tiêu biểu nhân các dịp Tết Nguyên Đán, lễ trọng, ốm đau, bệnh tật và các dịp đặc biệt khác: Tối đa 02 triệu đồng/tổ chức và tối đa 01 triệu đồng/cá nhân.

c) Phúng viếng các chức sắc, chức việc tôn giáo và người có uy tín tiêu biểu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khi qua đời: Tối đa 01 triệu đồng/người (Riêng vòng hoa, hương đèn: Chi theo thực tế).

d) Thăm, tặng quà các lực lượng vũ trang làm công tác giúp dân phòng, chống, khắc phục hậu quả bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm người mất tích, xây dựng nông thôn mới tại các địa phương và nhân dịp Ngày truyền thống của ngành: Tối đa 02 triệu đồng/cơ quan, tổ chức.

đ) Thăm, hỗ trợ đột xuất các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác giúp dân phòng, chống, khắc phục hậu quả bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm người mất tích, xây dựng nông thôn mới tại các địa phương: Tối đa 02 triệu đồng/tổ chức và tối đa 01 triệu đồng/cá nhân.

e) Thăm hỏi, động viên đối với lực lượng cốt cán trong tôn giáo trên địa bàn tỉnh (thường xuyên, đột xuất, ốm đau, bệnh tật): Tối đa 03 triệu đồng/cá nhân.

3. Công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ

a) Hỗ trợ 05% chi phí người bệnh đồng chi trả đối với cán bộ hưu trí thuộc diện chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh khi đi khám, chữa bệnh tại các Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh, Bệnh viện Trung ương trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ chi phí vật tư y tế theo chi phí thực tế (trừ phần chi phí đã được bảo hiểm y tế thanh toán) cho 01 lần sử dụng kỹ thuật vượt mức điều kiện quy định về thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (hỗ trợ 01 lần trong 01 năm đối với 01 đối tượng); thuốc điều trị ngoài danh mục bảo hiểm y tế (danh mục thuốc điều trị ngoài danh mục bảo hiểm y tế quy định đối với từng loại bệnh do Hội đồng chuyên môn thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quyết định), mức chi tối đa như sau:

DVT: Triệu đồng/người/năm

| Đối tượng | Nội dung | Hỗ trợ chi phí vật tư y tế | Hỗ trợ thuốc điều trị ngoài danh mục bảo hiểm y tế |
|------------------|---|-----------------------------------|---|
| | 1. Cán bộ lão thành cách mạng, tiền khởi nghĩa, cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hiện đang công tác, nghỉ hưu và sinh sống trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ theo chi phí thực tế (trừ phần chi phí đã được bảo hiểm y tế thanh toán). | 20 | 12 |
| | 2. Cán bộ đương chức và nguyên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ngành dọc Trung ương quản lý hiện đang công tác, nghỉ hưu và sinh sống trên địa bàn tỉnh. | | |
| | a. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. | 15 | 10 |
| | b. Nguyên Đặc khu ủy viên Quảng Đà; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Bí thư các đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; Cấp trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh và tương đương (kể cả cấp trưởng các cơ quan cấp tỉnh thuộc ngành dọc Trung ương quản lý); Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Chính ủy Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh. | 10 | 7 |
| | c. Phó Bí thư các đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; Cấp phó các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương (kể cả cấp phó các cơ quan cấp tỉnh thuộc ngành dọc Trung ương quản lý); Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Phó Bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. | 7 | 5 |

4. Mức chi quy định tại Điều này là mức tối đa. Tùy theo từng đối tượng và trường hợp cụ thể, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối tượng, nội dung, mức chi, hình thức chi cho phù hợp đối với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh khác. Thủ trưởng các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ quyết định mức chi cụ thể, hình thức chi phù hợp đối với quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh phân bổ trong dự toán hằng năm của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường